

Bản án số: 27/2026/HS-ST

Ngày: 31 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân

2. Bà Lê Thị Tâm

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên VKSND khu vực 7- Thanh Hóa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 7- Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2026/TLST-HS, ngày 02/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXXST-HS, ngày 23/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/HSST-QĐ ngày 06/3/2026 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TA, ngày 19/3/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trịnh Huy N; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 28/08/2002, tại xã V, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038202001590 (Theo danh, chỉ bản số 845 do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa lập ngày 30/12/2025); Nơi cư trú: Thôn Ng, xã V, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Bố: Trịnh Huy Tr; Mẹ: Vũ Thị T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trịnh Đức T; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 27/10/2000, tại xã V, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038200000843 (Theo danh, chỉ bản số 844 do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa lập ngày 30/12/2025); Nơi cư trú: Thôn Ng, xã V, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Bố: Trịnh Đức D; Mẹ: Vũ Thị T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Đăng C; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 13/8/1998, tại xã B, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038098009424 (Theo danh, chỉ bản số 854 do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa lập ngày 30/12/2025); Nơi cư trú: Xóm N, xã B, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề

nghề: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Bố: Lê Đăng L; Mẹ: Lại Thị T; Vợ: Tống Thị Thanh H, con: có 02 con (Con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2023); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Bùi Văn T; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/10/1996, tại xã Ng, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038096037466 (Theo danh, chỉ bản số 852 do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa lập ngày 30/12/2025); Nơi cư trú: Thôn P, xã V, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Bố: Bùi Văn L; Mẹ: Trần Thị L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Trần Văn Th; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 17/6/2000, tại xã V, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038200011732 (Theo danh, chỉ bản số 853 do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa lập ngày 30/12/2025); Nơi cư trú: Thôn Pháp Ngõ, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Bố: Chưa xác định; Mẹ: Trần Thị L; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa.

- *Những người làm chứng:*

2.1. Anh Lê Văn H; sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn H, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt

2.2. Anh Trần Văn T; sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn Ng, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h30, ngày 19/7/2025, sau uống rượu tại đám cưới nhà chị Nguyễn Thị T (sinh năm 1976, trú tại thôn Ng, xã V, tỉnh Thanh Hóa). Các bị cáo Trịnh Huy N, Trịnh Đức T, Bùi Văn T, Lê Đăng C, Trần Văn T lên sân khấu để nhảy thì phát sinh mâu thuẫn và đã có hành vi chửi bới, lừa đảo, đánh nhau tại đường liên thôn thuộc địa phận thôn Ng, xã V, tỉnh Thanh Hóa vào thời điểm buổi tối khi mọi người đang đi dự tiệc cưới. Vụ việc gây ồn ào, náo loạn khu dân cư, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người dân, làm mất an ninh trật tự của địa phương.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Ngày 19/07/2025, gia đình chị Nguyễn Thị T tổ chức đám cưới cho con gái và mời người quen đến để tham dự liên hoan, ăn uống. Trong số khách mời có các bạn của anh Trịnh Huy Đ (anh trai cô dâu) gồm: Lê Đăng C; Trần Văn T; Bùi Văn T; Trịnh Văn T; Lê Văn H (sinh năm 1997, trú tại thôn H, xã V, tỉnh Thanh Hóa); Bùi Văn Hảo (sinh năm 2000, trú tại thôn T, xã Ng, tỉnh Thanh Hóa).

Sau khi uống rượu, đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, gia đình chị T mở

nhạc để mọi người lên sân khấu hát và nhảy. Ban đầu, Trịnh Văn T, Trần Văn T và Lê Đăng C lên sân khấu để nhảy, sau đó T và C đi xuống trước còn mình T ở trên sân khấu. Lúc này nhóm thanh niên làng gồm: Trịnh Huy N; Trịnh Đức T; Nguyễn Tùng L (sinh năm 2000); Trịnh Đức T (sinh năm 2001); Phạm Văn Q (sinh năm 1999); Trịnh Công S (sinh năm 2001); Trần Văn T (sinh năm 1995) cùng trú tại thôn Ng, xã V, tỉnh Thanh Hóa và một số người nữa lên nhảy cùng T. Quá trình nhảy, N khoác vai và dùng tay vỗ vào đỉnh đầu T nhiều cái. Th xuống bàn và lấy ca đựng bia lên mời T uống nhưng T không uống thì Th để bia ở xuống bàn và xuống dưới ngời. N tiếp tục lấy ca bia đưa lên cho T uống, Tùng uống 1-2 lần thì T đi xuống bàn và nói chuyện với nhóm của T rằng: *“Có mấy thằng trên sân khấu ép T uống bia”*, thì Th nói với T rằng: *“Cứ lên nhảy tiếp đi, đây là nhà của Đ, anh em cùng vui cả”*. T tiếp tục lên nhảy, Th cũng lên cùng với T. N lại đưa ca bia cho T uống. Quá trình uống bia, N lại sử dụng tay vỗ vào đỉnh đầu của T 04-05 cái. Th thấy vậy liền kéo T xuống để đi về, lúc này N liền đâm một cái vào thái dương bên trái của T. T liền dùng tay phải đâm về phía N, rồi cả hai lao vào đánh nhau. Thấy N bị đánh, Trịnh Đức Tr liền dùng tay phải đâm vào vai trái của T hai cái, Nguyễn Tùng L dùng chân phải đạp một cái vào chân của T. T bị đánh, xô đẩy thì ngã xuống sàn. Sau đó nhóm của T và N không đánh nhau nữa, N bị đẩy vào phía trong rạp, còn nhóm của T thì ra về.

Khi ra về, Lê Văn H đi ra ngoài đường liên thôn trước nhà lấy xe trước, Trần Văn Th và Trịnh Văn T đi sau, Lê Đăng C, Bùi Văn T, Bùi Văn H đi cuối cùng. Đi được một đoạn thì N từ trong rạp đâm cưỡi chạy đuổi theo nhóm của T để đánh nhau. Theo sau N là một số thanh niên nữa ở trong đám cưới cũng chạy ra. Khi ra đến ngõ, lúc này H đang dắt xe, N lao lên và vung tay đâm H khiến H và xe đổ xuống đường. T thấy H bị N đánh thì quay lại đâm một cái trúng vào N. Trịnh Đức T từ phía sau N chạy lại đâm về phía T và nhóm của T thì trúng T. Trần Văn Th và Lê Đăng C quay lại và đánh N và T. N bị đánh nằm gục xuống đất. Lúc này, thanh niên ở trong đám cưới chạy ra can ngăn kéo hai bên ra. T bị kéo áo lôi ra ngoài thì ngã xuống đất. Thấy nhóm thanh niên lao đến, Th, C bỏ chạy theo hướng đường đi thôn Ng thì thấy đồng gạch không nung ở bên lề đường. Th cầm viên gạch đập vỡ xuống đất rồi cầm $\frac{1}{4}$ viên gạch, C cầm $\frac{1}{4}$ viên gạch lên. Khi đó, Lê Xuân H (sinh năm 1992, trú tại thôn Ng, xã V, tỉnh Thanh Hóa) đi đến thấy vậy liền nói: *“Anh em bay thích đánh nhau à”*. C và Th liền bỏ viên gạch lên đồng gạch, rồi đi lên đường để đi về. T và H cũng đứng dậy và đi về. Mọi người thấy N nằm bất tỉnh ở dưới đường, máu chảy nhiều trên mặt nên đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa V, tỉnh Thanh Hóa.

Một lát sau, thấy việc N bị đánh chảy nhiều máu thì Lê Xuân H gọi báo Công an và bảo thanh niên làng tìm các thanh niên nhóm của T vừa đánh N để giao cho lực lượng Công an. Khi đó H, C, H, T bị chặn xe ở trên đê không về được thì C và H quay lại nhà người quen của Trịnh Huy Đ để ngủ, T đi đường tắt để về nhà. H ngồi chờ ở trên đê thôn Ng. Nhóm thanh niên làng giữ được Th và T, đưa đến ngời ở đường đê khu vực trước cửa nhà anh Trịnh Xuân Th (sinh năm 1977, trú tại thôn Ng, xã V, tỉnh Thanh Hóa). Khi Th và T đứng dậy gọi điện thoại thì Lê Xuân H dùng tay tát vào đầu Th, Phạm Văn Q dùng tay đâm vào người Th. Trịnh Huy Đ dùng chân đá vào mặt Th một cái và đá vào mặt T một cái. Trịnh Công S dùng chân đá một cái vào người T và đá một cái vào người Th. Trịnh Xuân T dùng tay tát một cái vào mặt

Th. Rồi nhóm thanh niên làng đưa Th và T vào trong nhà anh T để ngồi chờ cơ quan Công an đến. Công an xã V đến và triệu tập tất cả các đối tượng có liên quan về Công an xã để làm việc, sau đó chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi sự việc xảy ra chính quyền địa phương và người dân sinh sống quanh khu vực hiện trường đã có báo cáo đối với cơ quan điều tra về sự việc đánh nhau đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKSKV7, ngày 30/01/2026 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) khu vực 7 - Thanh Hóa đã truy tố Trịnh Huy N, Trịnh Đức T, Lê Đăng C, Bùi Văn T, Trần Văn Th về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tranh tụng tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 BLHS xử phạt Trịnh Huy N từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 BLHS xử phạt Trịnh Đức T từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 BLHS xử phạt Lê Đăng C từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 BLHS xử phạt Bùi Văn T từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 BLHS xử phạt Trần Văn Th từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Khoảng 20h30, ngày 19/7/2025, sau uống rượu tại đám cưới nhà bà Nguyễn Thị T. Các bị cáo Trịnh Huy N, Trịnh Đức T, Bùi Văn T, Lê Đăng C, Trần Văn Th lên sân khấu để nhảy thì phát sinh mâu thuẫn và đã có hành vi chửi bới, lừa dối, đánh nhau tại đường liên thôn thuộc địa phận thôn Ng, xã V, tỉnh Thanh Hóa vào thời điểm buổi tối khi mọi người đang đi dự tiệc cưới. Vụ việc gây ồn ào, náo loạn khu dân cư, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người dân, làm mất an ninh trật tự của địa phương. Do đó, HĐXX có đủ căn cứ để xác định, hành vi của Trịnh Huy N, Trịnh Đức T, Bùi Văn T, Lê Đăng C và Trần Văn Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1, Điều 318 BLHS. Cáo trạng của Viện trưởng VKSND khu vực 7 – Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về trách nhiệm hình sự: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó, Trịnh Huy N là người gây mâu thuẫn với T và nhóm của T phía trong rạp cưới. Sau khi được can ngăn, nhóm T đã và đang ra về, N tiếp tục đuổi theo ra đường liên thôn, có hành vi đâm H trước, dẫn đến việc hai nhóm đánh nhau, nên N giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Các bị cáo Trần Văn Th, Lê Đăng C, Bùi Văn T, Trịnh Đức T thấy bạn của mình bị đánh cũng lao vào đánh lại nhóm đối phương dẫn đến vụ việc đánh nhau gây rối nên có vai trò thứ hai ngang nhau trong vụ án.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lê Đăng C, Bùi Văn T, Trần Văn Th đã tự nguyện bồi thường về thương tích gây ra cho bị cáo Trịnh Huy N nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Những tình tiết này cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Về tính chất của vụ án và hình phạt: Đây là vụ án có tính chất ít nghiêm trọng. Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi chửi bới, lừa dối đánh nhau trong khu dân cư của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trên địa bàn dân cư, xâm phạm đến trật tự công cộng, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, cần lên cho các bị cáo một mức phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra để nhằm mục đích cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và còn để tuyên truyền pháp luật, răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy tội phạm mà các bị cáo thực hiện là tội ít nghiêm trọng. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe đối với các bị cáo.

[6]. Các bị cáo được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[7]. Tại rạp cưới trong sân nhà bà Nguyễn Thị T: Trịnh Văn T dùng tay đánh Trịnh Huy N; Trịnh Huy N, Trịnh Đức Tr dùng tay đánh Trịnh Văn T, Nguyễn Tùng L dùng chân đạp Trịnh Văn T nhưng sự việc đánh nhau diễn ra trong rạp đám cưới, thời gian ngắn, khi hai bên xô xát thì được mọi người can ngăn, chấm dứt hành vi, nên hành vi đánh nhau nêu trên của các đối tượng không cấu thành tội “gây rối trật tự công cộng” quy định tại Điều 318 Bộ luật hình sự.

[8]. Tại đoạn đường liên xã (đường đê) thuộc thôn Ng, xã V, những người dân gồm: Lê Xuân H, Phạm Văn Q, Trịnh Huy Đ, Trịnh Công S, Trần Xuân T dùng tay, chân đánh Trần Văn Th và Trịnh Văn T do thấy Th và T là thanh niên nơi khác đến lại tham gia đánh nhau gây thương tích cho người khác. Việc đánh Th và T chỉ là nhất thời, không có mâu thuẫn từ trước và khi sự việc lùa đuổi đánh nhau giữa hai nhóm thanh niên tại đường liên thôn đã chấm dứt, do đó hành vi của những người đánh T và Th không cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại Điều 318 Bộ luật hình sự.

[9]. Việc các đối tượng đánh nhau tại rạp cưới trong sân gia đình bà Nguyễn Thị T, sau đó đánh nhau tại đường liên thôn trước cổng nhà bà T và việc một số người dân đánh T và Th có dấu hiệu của tội “Cố ý gây thương tích”. Tuy nhiên các đối tượng chỉ sử dụng tay chân đánh nhau, hậu quả, Trịnh Huy N bị thương tích 04% (bốn phần trăm) và Trịnh Văn T bị thương tích 04% (bốn phần trăm), Bùi Văn H, Bùi Văn T, Trịnh Đức T, Trần Văn Th không bị thương tích gì, đồng thời không có các tình tiết định tội khác quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự nên không có căn cứ để xử lý các bị can cũng như các đối tượng khác về tội “Cố ý gây thương tích”. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã chuyển hồ sơ, tài liệu đến Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hoá để xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị can Trịnh Huy N, Trịnh Đức T, Trần Văn Th, Lê Đăng C, Bùi Văn T và các đối tượng Trịnh Văn T, Trịnh Đức Tr, Nguyễn Tùng L, Lê Xuân H, Trịnh Huy Đ, Trịnh Công S, Phạm Văn Q, Trịnh Xuân T về hành vi cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 7, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Trịnh Văn T, Lê Đăng C, Bùi Văn T, Trần Văn Th và gia đình đã chủ động bồi thường cho Trịnh Huy N tổng số tiền 12.000.000 đồng, Trịnh Huy N không yêu cầu bồi thường thêm. Trịnh Văn T không yêu cầu các đối tượng gây thương tích cho mình bồi thường dân sự.

[11]. Về vật chứng: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên HĐXX không xem xét.

[12]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 BLHS đối với Trịnh Huy N.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 BLHS đối với Trịnh Đức T.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 BLHS đối với Lê Đăng C.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 BLHS đối với Bùi Văn T.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 BLHS đối với Trần Văn Th.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trịnh Huy N, Trịnh Đức T, Lê Đăng C, Bùi Văn T, Trần Văn Th phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về mức hình phạt

- Xử phạt bị cáo Trịnh Huy N 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Đức T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Lê Đăng C 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 125 BLTTHS: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Huy N, Trịnh Đức T, Bùi Văn T, Trần Văn Th cho UBND xã Vĩ, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Đăng C cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 6, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Các bị cáo Trịnh Huy N, Trịnh Đức T, Lê Đăng C, Bùi Văn T, Trần Văn Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cúc